**BẢNG GIẢI TRÌNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 155/2016/NĐ-CP NGÀY 18/11/2016 CỦA CHÍNH PHỦ**

| **TT** | **NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG** | **LÝ DO THAY ĐỔI** |
| --- | --- | --- |
|  | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** |  |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 2 bỏ nội dung “đề án bảo vệ môi trường” | Đối với nội dung các hành vi vi phạm về đề án bảo vệ môi trường tại Điều 10, trong Dự thảo Nghị định đã lồng ghép vào Điều 8 vi phạm các quy định về kế hoạch bảo vệ môi trường và Điều 9 vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đồng thời Dự thảo Nghị định đã bổ sung lại giải thích từ ngữ đối với “bản kế hoạch bảo vệ môi trường” và “báo cáo đánh giá tác động môi trường” trong đó bao gồm đề án bảo vệ môi trường đơn giản và đề án bảo vệ môi trường chi tiết. |
|  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng** |  |
|  | Bổ sung khoản 3 Điều 2:  Bổ sung quy định rõ các Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo Nghị định này. Theo đó, quy định chi tiết loại hình doanh nghiệp, công ty, chi nhánh… được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Đầu tư, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật | Do khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: “Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải được quy định cụ thể tại các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.”. Đồng thời trên thực tế đã gặp một số vướng mắc trong quá trình xác định tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính do chưa có quy định tại Nghị định 155/2016/NĐ-CP (ví dụ các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp như chi nhánh). |
|  | Bổ sung khoản 4 Điều 2:  Bổ sung đối tượng áp dụng là: Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường. | Bổ sung nội dung này do trước đây nội dung Nghị định 155/2016/NĐ-CP chưa quy định; tiếp thu ý kiến góp ý đề nghị bổ sung của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| 2 | **Điều 3. Giải thích từ ngữ** |  |
|  | Sửa đổi khoản 4:  giải thích từ ngữ: bổ sung thêm đối với Thông số môi trường nguy hại trong khí thải và môi trường không khí còn bao gồm một số thông số có tên trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải. | Điều chỉnh do trong thực tiễn thanh tra, kiểm tra, cấp phép xử lý chất thải nguy hại phát hiện một số thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật gồm Dioxin/Furan và Tổng các kim loại nặng nhưng không xử phạt được như đối với thông số môi trường nguy hại. |
|  | Sửa đổi khoản 7:  Bổ sung giải thích cho Bản kế hoạch bảo vệ môi trường còn bao gồm đề án bảo vệ môi trường được xác nhận, đề án bảo vệ môi trường đơn giản | Bổ sung nội dung này do Dự thảo Nghị định sẽ bỏ Điều 10 và lồng ghép các nội dung quy định hành vi vi phạm tại Điều 8 |
|  | Sửa đổi khoản 8:  Bổ sung giải thích cho Báo cáo đánh giá tác động môi trường còn bao gồm đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt, đề án bảo vệ môi trường chi tiết | Bổ sung nội dung này do Dự thảo Nghị định sẽ bỏ Điều 10 và lồng ghép các nội dung quy định hành vi vi phạm tại Điều 9 |
|  | Sửa đổi khoản 10:  Bổ sung giải thích cho Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường còn bao gồm Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết | Bổ sung nội dung này do Dự thảo Nghị định sẽ bỏ Điều 10 và lồng ghép các nội dung quy định hành vi vi phạm tại Điều 8, Điều 9. |
|  | Thay thế khoản 11:  Bỏ nội dung quy định về Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường;  Thay thế bằng nội dung giải thích đối với Công trình bảo vệ môi trường | - Bỏ nội dung giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, do Nghị định 40/2019/NĐ-CP đã điều chỉnh, không còn giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường; đồng thời, đến nay, Bộ TNMT chưa cấp loại giấy này.  - Bổ sung giải thích về công trình BVMT để làm rõ và thống nhất trong các nội dung xử lý liên quan đến công trình bảo vệ môi trường ở Nghị định này. Các công trình bảo vệ môi trường cũng đã quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP. |
|  | Bổ sung khoản 14:  Bổ sung giải thích “Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường” | Bổ sung nội dung này để làm rõ khi áp dụng hình thức xử phạt bổ sung theo ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương. |
|  | Bổ sung khoản 15:  Bổ sung giải thích từ ngữ “chất thải rắn thông thường đặc thù” | Việc bổ sung giải thích từ ngữ ngày để thống nhất khi áp dụng tại Điều 20 |
| 3  3 | **Điều 4. Hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường** |  |
|  | Bổ sung điểm c khoản 2:  “Không áp dụng biện pháp đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại điểm a khoản này trong hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công được nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền xử phạt thông báo về hành vi vi phạm cho cơ quan nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu để xử lý theo quy định pháp luật có liên quan.” | Bổ sung nội dung này nhằm áp dụng với các trường hợp là các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công ích và khi đình chỉ sẽ có tác động đến trật tự, an toàn xã hội, chất lượng và sức khỏe của người dân như bệnh viện, bãi rác công…  Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 qui định hoạt động cung ứng dịch vụ công là hoạt động sản xuất sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư hoặc bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Nhà nước phải tổ chức thực hiện. Do đó, việc đình chỉ toàn bộ hoạt động của các cơ sở này sẽ làm ảnh hưởng lớn đến an sinh, xã hội, gây bất lợi cho đời sống của người dân, cộng đồng. Để đảm bảo công bằng, người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thông báo hành vi vi phạm cho cơ quan nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu để xử lý theo quy định pháp luật có liên quan. |
|  | Bổ sung điểm o khoản 3:  “Buộc di dời dự án, cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;” | Theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP: các dự án, cơ sở đã triển khai mà không có KHBVMT, báo cáo ĐTM phải được rà soát, xem xét sự phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện các thủ tục môi trường cho dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường |
|  | Bổ sung điểm p khoản 3:  “Buộc rà soát, cải tạo công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định.” | Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính đã quy định một số biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm; đồng thời quy định các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định. Do đó, để áp dụng cho NĐ sửa đổi, cần thiết phải bổ sung thêm biện pháp khắc phục hậu quả này trong Điều 4. |
|  | Bổ sung khoản 4:  “ Việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và h khoản 3 Điều này chỉ được thực hiện khi có đủ căn cứ chứng minh hậu quả hoặc số lợi bất hợp pháp thu được do hành vi vi phạm hành chính.” | Bổ sung quy định này nhằm khắc phục việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tùy tiện khi chưa đủ căn cứ chứng minh hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra. Mặc dù tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP có quy định việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả phải căn cứ vào việc hành vi đó phải gây ra hậu quả hoặc có khả năng thực tế gây ra hậu quả, tuy nhiên trong lĩnh vực môi trường phải căn cứ vào thực tế, không thể suy diễn. |
|  | **Điều 6. Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật môi trường và sử dụng thông số môi trường để xác định hành vi vi phạm hành chính, mức độ vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; áp dụng nguyên tắc xử phạt một số hành vi vi phạm về thực hiện: phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, báo cáo đánh giá tác động môi trường và Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và nhận chìm xuống biển** | Sửa đổi tên, bổ sung thêm nội dung về áp dụng nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính để thống nhất áp dụng khi xử phạt các hành vi vi phạm |
|  | Sửa đổi khoản 3:  Bổ sung cụm từ “trường hợp có mức phạt bằng nhau thì thông số nguy hại là thông số để xác định hành vi vi phạm” sau nội dung “Khí áp dụng hình thức phạt tiền …có mức phạt tiền cao nất của mẫu nước thải hoặc bụi, khí thải để xử phạt”.  Bỏ cụm từ “cao nhất” trong quy định phạt tăng thêm từ 10% đến 50% mức phạt tiền cao nhất của hành vi vi phạm đã chọn. | Bổ sung cụm từ “trường hợp có mức phạt bằng nhau thì thông số nguy hại là thông số để xác định hành vi vi phạm” để làm rõ theo đề nghị của một số địa phương, trường hợp một mẫu nước thải và khí thải có cả thông số thông thường và nguy hại vượt quy chuẩn và mức tiền phạt bằng nhau thì lựa chọn thông số nguy hại để xác định hành vi vi phạm (Ví dụ khung phạt tại khoản 6 Điều 13 bằng khung phạt tại khoản 8 Điều 14). |
|  | Bổ sung khoản 4:  Bổ sung nguyên tắc xác định thải lượng nước thải | Việc bổ sung nguyên tắc xác định thải lượng để làm căn cứ tính toán thải lượng nước thải được quy định tại Điều 13, 14. Do trong thực tế có nhiều vướng mắc về việc xác định thải lượng nước thải dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau. |
|  | Bổ sung khoản 5:  Bổ sung nguyên tắc đối với các hành vi vi phạm về việc lập, thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thì không áp dụng hình thức xử lý quy định tại Điều 9. | Để thống nhất áp dụng tại Điều 32. Đối với các quy định về phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, trong trường hợp được được gộp chung với hồ sơ phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thì cũng thống nhất áp dung theo quy định tại Điều 32. |
|  | Bổ sung khoản 6:  Đối với một hành vi cùng vi phạm quy định tại Điều 9 và Điều 10 thì xử lý theo quy định tại Điều 10 của Nghị định này; | Bổ sung nội dung này do Dự thảo Nghị định đã bổ sung thêm Điều 10 vi phạm quy định về Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Theo đó, đối với các dự án/cơ sở đã có Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT thì không áp dụng phạt đối với một số hành vi quy định tại Điều 9 (vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường), ví dụ: không thực hiện đúng một trong các nội dung hoặc không thực hiện đầy đủ các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường, xây lắp không đúng một trong các công trình xử lý chất thải theo ĐTM… |
|  | Bổ sung khoản 7:  Đối với hành vi về nhận chìm chất thải, nhận chìm vật chất xuống biển thì áp dụng hình thức xử lý theo quy định tại pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo. | Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang được giao chủ trì, xây dựng Dự thảo Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Do đó, đối với quy định về nhận chìm chất thải, nhận chìm vật chất xuống biển thì sẽ không quy định mà được dẫn chiếu áp dụng tại Nghị định chuyên ngành. |
|  | **Điều 7. Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật trong việc phát hiện, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường** |  |
|  | Sửa đổi điểm c khoản 7 như sau:  Bổ sung quy định trường hợp phát hiện kết quả thu được bằng thiết bị, hệ thống quan trắc tự động, liên tục khí thải, nước thải vượt ngưỡng giá trị cho phép các thông số ô nhiễm theo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải thì tiếp tục phân tích mẫu tại hệ thống lấy mẫu tự động để xác định hành vi vi phạm của cá nhân, tổ chức. | Việc bổ sung quy định này nhằm làm rõ hơn cách xác định vi phạm dựa trên kết quả thu được từ hệ thống quan trắc tự động, liên tục. Hiện nay đã có một số địa phương áp dụng nguyên tắc này này để xử phạt vi phạm hành chính như tỉnh Đồng Nai và Bình Dương. |
|  | **Điều 8. Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường** |  |
|  | Sửa đổi tên khoản 1:  “Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này bị xử phạt như sau” | Sửa đổi tên Khoản 1 theo hướng loại trừ đối tượng tại Khoản 2 nhằm đảm bảo những đối tượng không phải đăng ký kinh doanh bị xử phạt như đối tượng do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trước đây đối tượng này bị phạt như đối tượng thuộc quy mô do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy CNĐKKD) |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 1:  - Bỏ trường hợp làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;  - Bổ sung nội dung “không thông báo… theo quy định” | - Bỏ trường hợp làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận vì việc xác định điều chỉnh có làm cho môi trường tốt hơn hay không thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước;  - Bổ sung nội dung “không thông báo… theo quy định”: bổ sung trách nhiệm của chủ dự án mới khi có thay đổi chủ dự án, chủ cơ sở theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (sửa đổi Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP). |
|  | Sửa đổi điểm c khoản 1:  - Thay đổi cụm từ “công trình BVMT” bằng cụm từ “công trình xử lý chất thải”;  - Bổ sung hành vi xây lắp không đúng quy định đối với công trình xử lý chất thải đã cam kết trong kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận trong các trường hợp: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý; không thu gom triệt để dẫn đến tình trạng một lượng nước thải, khí thải phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được xử lý trước khi thải ra môi trường. | - Thay đổi cụm từ “công trình BVMT” bằng cụm từ “công trình xử lý chất thải” để thống nhất theo khoản 10 Điều 3 đã giải thích.  - Bổ sung hành vi do những hành vi này trước đây chưa quy định, bổ sung theo ý kiến của địa phương; đồng thời giới hạn các hành vi xây lắp không đúng quy định chỉ xử phạt trong một số trường hợp như: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý; |
|  | Sửa đổi điểm d khoản 1:  - Thay đổi cụm từ “công trình BVMT” bằng cụm từ “công trình xử lý chất thải”;  - Bổ sung thêm nội dung “không đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định” | - Đổi cụm từ “công trình xử lý chất thải” để thống nhât sử dụng tại Nghị định này.  - Bổ sung thêm nội dung “không đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định” để phù hợp với quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. |
|  | Sửa đổi tên khoản 2.  “Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bị xử phạt như sau:” | Sửa lại Khoản 2 để thống nhất đối tượng xử phạt theo Khoản 1 |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 2:  - Bỏ trường hợp làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;  - Bổ sung nội dung “không thông báo… theo quy định” | - Bỏ trường hợp làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận vì việc xác định điều chỉnh có làm cho môi trường tốt hơn hay không thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước;  - Bổ sung nội dung “không thông báo… theo quy định”: bổ sung trách nhiệm của chủ dự án mới khi có thay đổi chủ dự án, chủ cơ sở theo quy định tại khoản 12 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (sửa đổi Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP). |
|  | Sửa đổi điểm c khoản 2:  - Thay đổi cụm từ “công trình BVMT” bằng cụm từ “công trình xử lý chất thải”;  - Bổ sung hành vi xây lắp không đúng quy định đối với công trình xử lý chất thải đã cam kết trong kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận trong các trường hợp: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý; không thu gom triệt để dẫn đến tình trạng một lượng nước thải, khí thải phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được xử lý trước khi thải ra môi trường. | - Thay đổi cụm từ “công trình BVMT” bằng cụm từ “công trình xử lý chất thải” để thống nhất theo khoản 10 Điều 3 đã giải thích.  - Bổ sung hành vi do những hành vi này trước đây chưa quy định, bổ sung theo ý kiến của địa phương; đồng thời giới hạn các hành vi xây lắp không đúng quy định chỉ xử phạt trong một số trường hợp như: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý; |
|  | Sửa đổi điểm d khoản 2:  - Thay đổi cụm từ “công trình BVMT” bằng cụm từ “công trình xử lý chất thải”;  - Bổ sung thêm nội dung “không đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định” | - Đổi cụm từ “công trình xử lý chất thải” để thống nhât sử dụng tại Nghị định này.  - Bổ sung thêm nội dung “không đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định” để phù hợp với quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 3:  - Bỏ trường hợp làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;  - Bổ sung nội dung “không thông báo… theo quy định” | - Bỏ trường hợp làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận vì việc xác định điều chỉnh có làm cho môi trường tốt hơn hay không thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước;  - Bổ sung nội dung “không thông báo… theo quy định”: bổ sung trách nhiệm của chủ dự án mới khi có thay đổi chủ dự án, chủ cơ sở theo quy định tại khoản 12 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (sửa đổi Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP). |
|  | Sửa đổi điểm c khoản 3:  - Thay đổi cụm từ “công trình BVMT” bằng cụm từ “công trình xử lý chất thải”;  - Bổ sung hành vi xây lắp không đúng quy định đối với công trình xử lý chất thải đã cam kết trong kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận trong các trường hợp: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý; không thu gom triệt để dẫn đến tình trạng một lượng nước thải, khí thải phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được xử lý trước khi thải ra môi trường. | - Thay đổi cụm từ “công trình BVMT” bằng cụm từ “công trình xử lý chất thải” để thống nhất theo khoản 10 Điều 3 đã giải thích.  - Bổ sung hành vi do những hành vi này trước đây chưa quy định, bổ sung theo ý kiến của địa phương; đồng thời giới hạn các hành vi xây lắp không đúng quy định chỉ xử phạt trong một số trường hợp như: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý; |
|  | Sửa đổi điểm d khoản 3:  - Thay đổi cụm từ “công trình BVMT” bằng cụm từ “công trình xử lý chất thải”;  - Bổ sung thêm nội dung “không đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định” | - Đổi cụm từ “công trình xử lý chất thải” để thống nhât sử dụng tại Nghị định này.  - Bổ sung thêm nội dung “không đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định” để phù hợp với quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 4:  Bỏ trường hợp làm cho môi trường tốt hơn | Bỏ trường hợp làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận vì việc xác định điều chỉnh có làm cho môi trường tốt hơn hay không thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước; |
|  | Sửa đổi điểm c khoản 4:  - Thay đổi cụm từ “công trình BVMT” bằng cụm từ “công trình xử lý chất thải”;  - Bổ sung hành vi xây lắp không đúng quy định đối với công trình xử lý chất thải đã cam kết trong kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận trong các trường hợp: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý; không thu gom triệt để dẫn đến tình trạng một lượng nước thải, khí thải phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được xử lý trước khi thải ra môi trường. | - Thay đổi cụm từ “công trình BVMT” bằng cụm từ “công trình xử lý chất thải” để thống nhất theo khoản 10 Điều 3 đã giải thích.  - Bổ sung hành vi do những hành vi này trước đây chưa quy định, bổ sung theo ý kiến của địa phương; đồng thời giới hạn các hành vi xây lắp không đúng quy định chỉ xử phạt trong một số trường hợp như: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý; |
|  | Sửa đổi khoản 5:  Bổ sung hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở đối với các vi phạm:  + Các vi phạm của đối tượng thuộc Khoản 1;  + Các vi phạm liên quan đến công trình xử lý chất thải (như lắp đặt đường ống xả thải chưa qua xử lý; không có biện pháp thu gom triệt để chất thải phát sinh để xử lý;…).  - Bổ sung hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với hành vi không đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường. | Việc bổ sung hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường hoặc đình chỉ có thời hạn của cơ sở đối với các vi phạm để tăng tính răn đe. |
|  | Sửa đổi khoản 6:  - Bỏ biện pháp buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường…tại Điều này.  - Bổ sung biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm tại các khoản liên quan đến hành vi không xây lắp hoặc xây lắp không đúng quy định đối với công trình xử lý chất thải, không vận hành hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải. | - Bỏ biện pháp buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường…tại Điều này do nếu phát hiện gây ô nhiễm môi trường do các hành vi xả chất thải thì đã yêu cầu tại các Điều 13, 14, 15 và 16.  - Bổ sung biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm tại các khoản liên quan đến hành vi không xây lắp hoặc xây lắp không đúng quy định đối với công trình xử lý chất thải, không vận hành hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải, vì việc xác định số lợi bất hợp pháp có thể dễ thực hiện qua việc hạch toán chi phí. |
|  | **Điều 9. Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường** |  |
|  | 1. Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này bị xử phạt như sau: |  |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 1:  - Bỏ nội dung về không gửi Kế hoạch quản lý môi trường;  - Sửa đổi hoàn toàn điểm a thành hành vi không phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lấy ý kiến trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp phải tham vấn theo quy định; | - Bãi bỏ nội dung vì hiện nay NĐ 40/2019/NĐ-CP đã không còn quy định về Kế hoạch quản lý môi trường;  - Bổ sung trách nhiệm của chủ dự án theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP sửa đổi) |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 1:  - Bỏ nội dung về lập không đúng, không đầy đủ các nội dung Kế hoạch quản lý môi trường…  - Sửa đổi hoàn toàn điểm b thành hành vi không thông báo cho cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh biết trong trường hợp có thay đổi chủ dự án theo quy định | - Bãi bỏ nội dung vì hiện nay NĐ 40/2019/NĐ-CP đã không còn quy định về Kế hoạch quản lý môi trường;  - Bổ sung trách nhiệm của chủ dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (khoản 15 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP sửa đổi) |
|  | Sửa đổi điểm c khoản 1:  - Bỏ nội dung không lập Kế hoạch quản lý môi trường…  - Sửa đổi hoàn toàn điểm c thành hành vi không lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi thực hiện dự án và cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định;” | - Bãi bỏ nội dung vì hiện nay NĐ 40/2019/NĐ-CP đã không còn quy định về Kế hoạch quản lý môi trường;  - Sửa đổi trách nhiệm của chủ dự án theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (điểm đ khoản 2 Điều 16b Nghị định số 18/2015/NĐ-CP sửa đổi) |
|  | Sửa đổi điểm d khoản 1:  Bổ sung hành vi tự ý đưa các công trình xử lý chất thải vào vận hành thử nghiệm khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền; không dừng hoạt động hoặc giảm công suất của dự án để đảm bảo các công trình xử lý chất thải hiện hữu có thể xử lý các loại chất thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm dự án; không cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung các công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định trong trường hợp phát hiện chất thải xả ra môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm | Sửa đổi trách nhiệm của chủ dự án theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (Điều 16b Nghị định số 18/2015/NĐ-CP sửa đổi) |
|  | Sửa đổi điểm đ khoản 1:  “Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; trừ trường hợp: Có sự thay đổi nhưng không phải báo cáo và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định, giám sát môi trường và các trường hợp quy định tại điểm b và điểm h khoản này;” | - Sửa đổi để làm rõ hơn yêu cầu thực hiện nội dung báo cáo ĐTM và Quyết định phê duyệt ĐTM đối với từng loại đối tượng theo từng thời kỳ của quy định pháp luật.  - Bỏ nội dung về Giấy xác nhận theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP do đã quy định tại Điều 10;  - Bỏ trường hợp làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận vì việc xác định điều chỉnh có làm cho môi trường tốt hơn hay không thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước.  - Bổ sung trường hợp có thay đổi nhưng không phải báo cáo và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền |
|  | Sửa đổi điểm e khoản 1:  “Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; trừ trường hợp giám sát môi trường và trường hợp quy định tại các điểm b, c và k khoản này;” | - Làm rõ yêu cầu thực hiện quyển ĐTM và Quyết định phê duyệt ĐTM đối với từng loại đối tượng theo từng thời kỳ của quy định pháp luật;  - Bỏ nội dung về Giấy xác nhận theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP do đã quy định tại Điều 10;  - Rà soát lại các điểm loại trừ cho phù hợp. |
|  | Sửa đổi điểm g khoản 1:  Bổ sung hành vi không rà soát, cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý chất thải trong trường hợp không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải theo quy định để làm căn cứ lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. | Bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 Nghị định 40/2019/NĐ-CP: do trước đây một số cơ sở không thuộc đối tượng XNHT, hiện thuộc đối tượng, do đó khuyến khích rà soát và thông qua hoạt động thanh tra. Trường hợp nếu đã đáp ứng thì không phải XNHT. Trường hợp không đáp ứng thì phải cải tạo, nâng cấp và lập hồ sơ XNHT |
|  | Sửa đổi điểm h khoản 1:  - Bỏ quy định kiểm tra việc thu dọn lòng hồ trước khi tích nước;  - Gộp quy định tại điểm i và sửa đổi lại thành “Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường; không vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm dự án; xây lắp không đúng quy định công trình xử lý chất thải theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các trường hợp: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý; | - Bỏ quy định kiểm tra việc thu dọn lòng hồ trước khi tích nước do Nghị định 40/2019/NĐ-CP không quy định (dự án nhà máy thủy điện không phải xác nhận hoàn thành).  - Bổ sung nội dung “xây lắp không đúng quy định công trình xử lý chất thải theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường” do Nghị định 155/2016/NĐ-CP trước đây không quy định |
|  | Sửa đổi điểm i khoản 1: chuyển nội dung tại điểm k lên và sửa lại thành:  “Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và báo cáo kịp thời tới cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án để hướng dẫn giải quyết trong trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường; không tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải quá thời gian theo quy định;” | - Sửa theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.  - Bỏ thời gian 06 tháng đã có quy định tại các văn bản pháp luật; |
|  | Sửa đổi điểm k khoản 1: Chuyển nội dung khoản m lên |  |
|  | Sửa đổi điểm l khoản 1:  - Bỏ quy định không lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành;  - Chuyển nội dung tại điểm n lên và sửa lại thành:  “Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (từng hạng mục công trình hoặc từng giai đoạn theo phân kỳ đầu tư hoặc toàn bộ dự án) theo quy định;” | Bỏ nội dung về lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện công trình BVMT do đề xuất của nhiều địa phương; trường hợp quá thời gian vận hành thử nghiệm theo quy định tại NĐ 40/2019/NĐ-CP mà chưa có Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT thì xử phạt theo hành vi không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT. |
|  | Sửa đổi điểm m khoản 1: Chuyển nội dung tại điểm n lên:  “Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi không lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định” | Thay tên điểm và sửa đổi cho phù hợp với Nghị định số 40/2019/NĐ-CP |
|  | 2. Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị xử phạt như sau: |  |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 2:  - Bỏ nội dung về không gửi Kế hoạch quản lý môi trường;  - Sửa đổi hoàn toàn điểm a thành hành vi không phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lấy ý kiến trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp phải tham vấn theo quy định; | - Bãi bỏ nội dung vì hiện nay NĐ 40/2019/NĐ-CP đã không còn quy định về Kế hoạch quản lý môi trường;  - Bổ sung trách nhiệm của chủ dự án theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP sửa đổi) |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 2:  - Bỏ nội dung về lập không đúng, không đầy đủ các nội dung Kế hoạch quản lý môi trường…  - Sửa đổi hoàn toàn điểm b thành hành vi không thông báo cho cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh biết trong trường hợp có thay đổi chủ dự án theo quy định | - Bãi bỏ nội dung vì hiện nay NĐ 40/2019/NĐ-CP đã không còn quy định về Kế hoạch quản lý môi trường;  - Bổ sung trách nhiệm của chủ dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (khoản 15 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP sửa đổi) |
|  | Sửa đổi điểm c khoản 2:  - Bỏ nội dung không lập Kế hoạch quản lý môi trường…  - Sửa đổi hoàn toàn điểm c thành hành vi không lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi thực hiện dự án và cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định;” | - Bãi bỏ nội dung vì hiện nay NĐ 40/2019/NĐ-CP đã không còn quy định về Kế hoạch quản lý môi trường;  - Sửa đổi trách nhiệm của chủ dự án theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (điểm đ khoản 2 Điều 16b Nghị định số 18/2015/NĐ-CP sửa đổi) |
|  | Sửa đổi điểm d khoản 2:  Bổ sung hành vi tự ý đưa các công trình xử lý chất thải vào vận hành thử nghiệm khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền; không dừng hoạt động hoặc giảm công suất của dự án để đảm bảo các công trình xử lý chất thải hiện hữu có thể xử lý các loại chất thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm dự án; không cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung các công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định trong trường hợp phát hiện chất thải xả ra môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm | Sửa đổi trách nhiệm của chủ dự án theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (Điều 16b Nghị định số 18/2015/NĐ-CP sửa đổi) |
|  | Sửa đổi điểm đ khoản 2:  “Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; trừ trường hợp: Có sự thay đổi nhưng không phải báo cáo và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định, giám sát môi trường và các trường hợp quy định tại điểm b và điểm h khoản này;” | - Sửa đổi để làm rõ hơn yêu cầu thực hiện nội dung báo cáo ĐTM và Quyết định phê duyệt ĐTM đối với từng loại đối tượng theo từng thời kỳ của quy định pháp luật.  - Bỏ nội dung về Giấy xác nhận theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP do đã quy định tại Điều 10;  - Bỏ trường hợp làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận vì việc xác định điều chỉnh có làm cho môi trường tốt hơn hay không thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước.  - Bổ sung trường hợp có thay đổi nhưng không phải báo cáo và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền |
|  | Sửa đổi điểm e khoản 1:  “Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; trừ trường hợp giám sát môi trường và trường hợp quy định tại các điểm b, c và k khoản này;” | - Làm rõ yêu cầu thực hiện quyển ĐTM và Quyết định phê duyệt ĐTM đối với từng loại đối tượng theo từng thời kỳ của quy định pháp luật;  - Bỏ nội dung về Giấy xác nhận theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP do đã quy định tại Điều 10;  - Rà soát lại các điểm loại trừ cho phù hợp. |
|  | Sửa đổi điểm g khoản 1:  Bổ sung hành vi không rà soát, cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý chất thải trong trường hợp không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải theo quy định để làm căn cứ lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. | Bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 Nghị định 40/2019/NĐ-CP: do trước đây một số cơ sở không thuộc đối tượng XNHT, hiện thuộc đối tượng, do đó khuyến khích rà soát và thông qua hoạt động thanh tra. Trường hợp nếu đã đáp ứng thì không phải XNHT. Trường hợp không đáp ứng thì phải cải tạo, nâng cấp và lập hồ sơ XNHT |
|  | Sửa đổi điểm h khoản 1:  Chuyển quy định tại điểm i và sửa đổi lại thành “Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường; không vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm dự án; xây lắp không đúng quy định công trình xử lý chất thải theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các trường hợp: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý; | - Bỏ quy định kiểm tra việc thực hiện kế hoachjquanr lý môi trường do Nghị định 40/2019/NĐ-CP không quy định.  - Bổ sung nội dung “xây lắp không đúng quy định công trình xử lý chất thải theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường” do Nghị định 155/2016/NĐ-CP trước đây không quy định |
|  | Sửa đổi điểm i khoản 1: chuyển nội dung tại điểm k lên và sửa lại thành:  “Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và báo cáo kịp thời tới cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án để hướng dẫn giải quyết trong trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường; không tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải quá thời gian theo quy định;” | - Sửa theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.  - Bỏ thời gian 06 tháng đã có quy định tại các văn bản pháp luật; |
|  | Sửa đổi điểm k khoản 1: Chuyển nội dung khoản m lên |  |
|  | Sửa đổi điểm l khoản 1:  - Bỏ quy định không lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành;  - Chuyển nội dung tại điểm n lên và sửa lại thành:  “Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (từng hạng mục công trình hoặc từng giai đoạn theo phân kỳ đầu tư hoặc toàn bộ dự án) theo quy định;” | Bỏ nội dung về lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện công trình BVMT do đề xuất của nhiều địa phương; trường hợp quá thời gian vận hành thử nghiệm theo quy định tại NĐ 40/2019/NĐ-CP mà chưa có Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT thì xử phạt theo hành vi không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT. |
|  | Sửa đổi điểm m khoản 1: Chuyển nội dung tại điểm n lên:  “Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định” | Thay tên điểm và sửa đổi cho phù hợp với Nghị định số 40/2019/NĐ-CP |
|  | 3. Hành vi vi phạm quy định về dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho chủ dự án bị xử phạt như sau: |  |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 3:  - Bãi bỏ nội dung quy định về không có cán bộ chuyên ngành…  - Chuyển nội dung tại điểm c lên | - Bãi bỏ do Nghị định số 136/2018/NĐ-CP đã bỏ điều kiện kinh doanh trường hợp tư vấn lập ĐTM;  - Đổi tên điểm cho phù hợp với số thứ tự |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 3:  - Bãi bỏ nội dung quy định về điều kiện cơ sở vật chất –kỹ thuật…  - Chuyển nội dung tại điểm đ lên | - Bãi bỏ do Nghị định số 136/2018/NĐ-CP đã bỏ điều kiện kinh doanh trường hợp tư vấn lập ĐTM;  - Đổi tên điểm cho phù hợp với số thứ tự |
|  | Bãi bỏ điểm d | Bãi bỏ do Nghị định số 136/2018/NĐ-CP đã bỏ điều kiện kinh doanh trường hợp tư vấn lập ĐTM |
|  | 4. Hình thức xử phạt bổ sung: |  |
|  | Sửa đổi các điều khoản tham chiếu  các điều khoản tham chiếu | Thay đổi các điểm tham chiếu cho phù hợp |
|  | 5. Biện pháp khắc phục hậu quả: |  |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 5:  Thay đổi điểm tham chiếu | Thay đổi điểm tham chiếu cho phù hợp |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 5:  Thay đổi điểm tham chiếu | Thay đổi các điểm tham chiếu |
|  | Sứa đổi điểm c khoản 5:  - Bãi bỏ biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường…”;  - Bổ sung nội dung: “Buộc phải lập hồ sơ báo cáo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều này;” | - Bãi bỏ điểm c khoản 5 Điều này do nếu phát hiện gây ô nhiễm môi trường do các hành vi xả chất thải thì đã yêu cầu khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại các Điều 13, 14, 15 và 16.  - Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả này để tương ứng với hành vi được bổ sung |
|  | Bổ sung điểm d khoản 5:  Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm d, g, h và l khoản 1; các điểm d, g, h và l khoản 1 Điều này. | Bổ sung biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm tại các khoản liên quan đến hành vi không xây lắp hoặc xây lắp không đúng quy định đối với công trình xử lý chất thải, không vận hành hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải, vì việc xác định số lợi bất hợp pháp có thể dễ thực hiện qua việc hạch toán chi phí. |
|  | **Thay thế Điều 10:** **Vi phạm các quy định về thực hiện Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường** | Do đã gộp các hành vi vi phạm về Đề án bảo vệ môi trường trong các Điều 8, 9; đồng thời cần thiết phải quy định riêng đối với các hành vi liên quan đến Giấy xác nhận hoàn thành để xử phạt đối với các cơ sở đã có Giấy XNHT, đảm bảo tính hợp lý (không sử dụng các quy định tại ĐTM để xử phạt đối với các trường hợp đã có Giấy XNHT). |
|  | **Điều 11.** **Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện hoặc xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường**” | Đổi tên Điều 11, bổ sung vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trogn quá trình xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh để có thể áp dụng với các trường hợp trong thực tế là các doanh nghiệp được kiểm tra không có thủ tục về môi trường tuy nhiên mới ở trong giai đoạn triển khai xây dựng chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. |
|  | Sửa đổi tên khoản 1: | Sửa đổi tên Khoản 1 theo hướng loại trừ đối tượng tại Khoản 2 nhằm đảm bảo những đối tượng không phải đăng ký kinh doanh bị xử phạt như đối tượng do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trước đây đối tượng này bị phạt như trường hợp quy mô thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy CNĐKKD) |
|  | Sửa đổi điểm c khoản 1  Bổ sung cụm từ “theo quy định” | Bổ sung để rõ hơn khi áp dụng |
|  | Sửa đổi tên khoản 2. | Điều chỉnh theo Khoản 1 |
|  | Sửa đổi điểm c khoản 2  Bổ sung cụm từ “theo quy định” | Bổ sung để rõ hơn khi áp dụng |
|  | Sửa đổi tên khoản 3, 4, 5 | Sửa đổi tên khoản để phù hợp với tên của Điều |
|  | Sửa đổi điểm c khoản 3, điểm c khoản 4, điểm c khoản 5  Bổ sung cụm từ “theo quy định” | Bổ sung để rõ hơn khi áp dụng |
|  | Bổ sung khoản 5a:  “Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không có biện pháp, công trình thu gom, lưu giữ, xử lý, quản lý chất thải phát sinh theo quy định đối với trường hợp dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng được miễn thực hiện đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định.” | Bổ sung để không bỏ lọt đối tượng vi phạm theo đề nghị của các địa phương. |
|  | Sửa đổi bổ sung khoản 6. Hình thức xử phạt bổ sung:  Bổ sung đình chỉ hoạt động đối với đối tượng vi phạm quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 | Để tăng tính răn đe |
|  | Sửa đổi, bổ sung khoản 7. Biện pháp khắc phục hậu quả: |  |
|  | Sửa đổi điểm a, b khoản 7:  Chirnh sửa điểm dẫn chiếu | Điều chỉnh lại để phù hợp |
|  | Bổ sung điểm c, d, đ khoản 7 | Bổ sung nhằm phù hợp với quy định tại Điều 22 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP sửa đổi |
|  | Bổ sung điểm e:  Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện một trong các hành vi vi phạm | Bổ sung biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm tại các khoản liên quan đến hành vi không xây lắp hoặc xây lắp không đúng quy định đối với công trình xử lý chất thải, không vận hành hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải, vì việc xác định số lợi bất hợp pháp có thể dễ thực hiện qua việc hạch toán chi phí. |
|  | **Điều 12. Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản** |  |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 3:  Bổ sung hành vi “không có nhật ký vận hành nhà máy xử lý nước thải tập trung theo quy định” đối với vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp | Bổ sung hành vi “không có nhật ký vận hành nhà máy xử lý nước thải tập trung theo quy định” để phù hợp với quy định tại Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 6:  Sửa đổi lại cách tiền phạt căn cứ vào số lần vượt tiêu chuẩn tiếp nhận theo các mức từ 1,1 đến dưới 1,5 lần, từ 1,5 lần đến dưới 03 lần, từ 3 lần đến dưới 5 lần, từ 5 lần đến dưới 10 lần và từ 10 lần trở lên; bổ sung thêm cụm từ “xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý tập trung của khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề”; đồng thời thống nhất chọn thông số vượt cao nhất để làm căn cứ xử phạt | - Bổ sung thêm cụm từ “xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý tập trung của khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp” để làm rõ đây không phải là hành vi xả nước thải ra ngoài môi trường;  - Thay cụm từ “có một trong các thông số môi trường” bằng cụm từ “có chứa một trong các thông số môi trường (chọn thông số vượt cao nhất)” để dễ áp dụng và thống nhất với các điều khoản tại Nghị định này;  - Thay đổi cách tính mức tiền phạt để dễ hiểu, dễ áp dụng. |
|  | Sửa đổi điểm c khoản 6:  Bỏ cụm từ “không qua xử lý” | Bỏ cụm từ “không qua xử lý” vì thực tế có nhiều trường hợp các doanh nghiệp tự ý xả nước thải qua hệ thống thoát nước mưa ra ngoài môi trường, không qua hệ thống thu gom nước thải của KCN dẫn đến không kiểm soát được chất lượng nước thải |
|  | 7. Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giám sát môi trường (bao gồm: Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải; giám sát môi trường xung quanhvà giám sát chất thải định kỳ) và các hành vi vi phạm khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bị xử phạt như sau: |  |
|  | Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7:  - Tách nội dung phạt cảnh cáo đối với hành vi “không thực hiện giám sát môi trường xung quanh …khu chế xuất, khu kinh tế”;  - Bổ sung quy định mức phạt cảnh cáo đối với hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ chương trình giám sát môi trường đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương của Ủy ban nhân dân cấp huyện; | Bổ sung thêm nội dung này theo đề nghị của các Sở TNMT: Bắc Kạn, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Ninh, Bình Thuận |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 7:  - Chuyển nội dung “không thực hiện giám sát môi trường trong trường hợp…kế hoạch BVMT” từ điểm a NĐ 155 xuống;  - Bổ sung quy định “không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định” | - Bổ sung quy định “không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định” theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; |
| , | Sửa đổi điểm c khoản 7:  Chuyển nội dung tại điểm b khoản 7 NĐ 155 xuống và và bỏ cụm từ “03 tháng một lần” | - Thay đổi thứ tự khoản do bố sung thêm các nội dung mới;  - Bỏ cụm từ “03 tháng một lần” để thống nhất trong NĐ 155 không quy định lại những nội dung đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật; |
|  | Sửa đổi điểm d khoản 7:  - Bổ sung quy định không thực hiện giám sát môi trường định kỳ theo đề xuất của địa phương (trước đây NĐ 155 chưa quy định);  - Bổ sung hành vi “không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định hoặc không xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định” . | Bổ sung quy định không thực hiện giám sát môi trường định kỳ theo đề xuất của địa phương (trước đây NĐ 155 chưa quy định);  - Bổ sung hành vi “không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định hoặc không xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định” để phù hợp với NĐ 40/2019/NĐ-CP. |
|  | Sửa đổi điểm đ khoản 7:  - Chuyển nội dung điểm c khoản 7 NĐ 155 xuống;  - Bỏ cụm từ “03 tháng một lần”  - Tách nội dung “thực hiện không đúng, không đầy đủ…UBND cấp tỉnh ủy quyền” thành hành vi riêng;  - Tăng mức phạt để tương ứng với hành vi; | - Thay đổi thứ tự khoản do bố sung thêm các nội dung mới;  - Bỏ cụm từ “03 tháng một lần” để thống nhất trong NĐ 155 không quy định lại những nội dung đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật;  - Tách nội dung “thực hiện không đúng, không đầy đủ…UBND cấp tỉnh ủy quyền” thành hành vi riêng;  - Tăng mức phạt để tương ứng với hành vi; |
|  | Sửa đổi điểm e khoản 7:  - Bổ sung quy định không thực hiện giám sát môi trường định kỳ theo đề xuất của địa phương (trước đây NĐ 155 chưa quy định);  - Bổ sung hành vi “không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định hoặc không xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định”. | - Bổ sung quy định không thực hiện giám sát môi trường định kỳ theo đề xuất của địa phương (trước đây NĐ 155 chưa quy định);  - Bổ sung hành vi “không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định hoặc không xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định” để phù hợp với NĐ 40/2019/NĐ-CP. |
|  | Sửa đổi điểm g khoản 7  - Chuyển nội dung điểm d khoản 7 NĐ 155 xuống;  - Bỏ cụm từ “03 tháng một lần”  - Bỏ quy định “không báo cáo kết quả giám sát chất thải định kỳ (một năm một lần trước ngày 31 tháng 01 hàng năm) hoặc đột xuất cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương”;  - Tách nội dung “thực hiện không đúng, không đầy đủ…UBND cấp tỉnh ủy quyền” thành hành vi riêng;  - Tăng mức phạt để tương ứng với hành vi; | - Thay đổi thứ tự khoản do bố sung thêm các nội dung mới;  - Bỏ cụm từ “03 tháng một lần” để thống nhất trong NĐ 155 không quy định lại những nội dung đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật;  - Bỏ quy định “không báo cáo kết quả giám sát chất thải định kỳ (một năm một lần trước ngày 31 tháng 01 hàng năm) hoặc đột xuất cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương”; |
| * B | Bổ sung điểm h khoản 7:  - Bổ sung quy định không thực hiện giám sát môi trường định kỳ theo đề xuất của địa phương (trước đây NĐ 155 chưa quy định);  - Bổ sung hành vi “không báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định hoặc không xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định”  - Đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ; | - Bổ sung quy định không thực hiện giám sát môi trường định kỳ theo đề xuất của địa phương (trước đây NĐ 155 chưa quy định);  - Bổ sung quy định không báo cáo kết quả giám sát chất thải định kỳ … để phù hợp với NĐ 40/2019/NĐ-CP. |
|  | Bổ sung hành vi tại điểm i khoản 7:  Bổ sung hành vi không bố trí sàn thao tác bảo đảm an toàn tại vị trí lấy mẫu khí thải, lỗ lấy mẫu khí thải theo quy định; không lắp đặt đồng hồ, thiết bị đo lưu lượng để quan trắc lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra của hệ thống xử lý nước thải theo quy định; | Bổ sung hành vi theo quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT và quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP |
|  | Sửa đổi điểm k khoản 7:  - Chuyển nội dung tại điểm g NĐ 155 xuống;  - Tăng mức tiền phạt để tương ứng | Thay đổi thứ tự khoản do bố sung thêm các nội dung mới; |
|  | Bổ sung điểm l khoản 7:  - Chuyển nội dung tại điểm h NĐ 155 xuống;  - Bổ sung thêm hành vi “không lắp đặt camera theo dõi…và chất lượng; không đánh giá định kỳ chất lượng hệ thống quan trắc, tự động liên tục đối với nước thải, khí thải theo quy định” | - Thay đổi thứ tự khoản do bố sung thêm các nội dung mới;  - Bổ sung thêm hành vi “không lắp đặt camera theo dõi…và chất lượng; không đánh giá định kỳ chất lượng hệ thống quan trắc, tự động liên tục đối với nước thải, khí thải theo quy định” theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP |
|  | Bổ sung điểm m khoản 7:  Tách nội dung quy định tại điểm k khoản 7 NĐ 155 trên cơ sở chia lại mức phạt theo thẩm quyền xác nhận, phê duyệt các hồ sơ thủ tục về môi trường. Tại điểm m là của Ủy ban nhân dân cấp huyện; | Sửa đổi, bổ sung theo đề nghị của địa phương để đảm bảo công bằng |
|  | Bổ sung điểm n khoản 7:  - Bổ sung quy định thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm: thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động;  - Bổ sung hành vi không khắc phục sự cố hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; | Bổ sung thêm để dễ áp dụng và bổ sung mới theo quy định tại Nghị định 40/2019/NĐ-CP |
|  | Bổ sung điểm o khoản 7:  Tách nội dung quy định tại điểm k khoản 7 NĐ 155 trên cơ sở chia lại mức phạt theo thẩm quyền xác nhận, phê duyệt các hồ sơ thủ tục về môi trường. Tại điểm o là của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; | Tách hành vi “xây lắp, lắp đặt đường …” theo thẩm quyền phê duyệt hồ sơ môi trường |
|  | Bổ sung điểm p khoản 7:  Tách nội dung quy định tại điểm k khoản 7 NĐ 155 trên cơ sở chia lại mức phạt theo thẩm quyền xác nhận, phê duyệt các hồ sơ thủ tục về môi trường. Tại điểm p là của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền; | Tách hành vi “xây lắp, lắp đặt đường …” theo thẩm quyền phê duyệt hồ sơ môi trường |
|  | Bổ sung điểm q khoản 7:  Tách nội dung quy định tại điểm k khoản 7 NĐ 155 trên cơ sở chia lại mức phạt theo thẩm quyền xác nhận, phê duyệt các hồ sơ thủ tục về môi trường. Tại điểm q là của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ. | Tách hành vi “xây lắp, lắp đặt đường …” theo thẩm quyền phê duyệt hồ sơ môi trường |
|  | Bổ sung điểm r khoản 7:  Bổ sung hành vi không kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải hoặc khí thải theo quy định thì áp dụng hình thức xử lý theo quy định tại pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường. | Bổ sung quy định này để dẫn chiếu văn bản áp dụng xử lý đối với hành vi không kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải hoặc khí thải trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường. |
|  | Bãi bỏ điểm c khoản 9 | Bãi bỏ nội dung tại điểm này, do các hành vi quy định tại Điều này đều liên quan đến thủ tục về môi trường; trườnghợp nếu xả thải gây ô nhiễm môi trường thì đã buộc khắc phục hậu quả tại các Điều 13, 14, 15 và 16 của Nghị định |
|  | **Điều 13. Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường** |  |
|  | Sửa đổi khoản 7:  - Sửa lại số lần từ 1,5 lần đến dưới 03 lần;  - Bỏ nội dung “giá trị pH từ **02** đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới **12,5** hoặc nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae)” | - Sửa lại số lần từ 1,5 lần đến dưới 03 lần cho logic;  - Bỏ nội dung “giá trị pH từ **02** đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới **12,5** hoặc nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae)” để không nhầm lẫn khi áp dụng Điều 14 theo đề nghị của địa phương. |
|  | Thay thế điểm b khoản 9 bằng nội dung “Buộc rà sát, cải tạo công trình xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định đối với các vi phạm quy định tại Điều này” | - Bãi bỏ biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được đối với các hành vi xả thải vượt mà áp dụng đối với các hành vi không xây lắp, xây lắp không đúng, không vận hành, vận hành không đúng công trình xử lý chất thải do việc chứng minh và tính toán sẽ có căn cứ hơn;  - Thay thế biện pháp khắc phục hậu quả này áp dụng trong thực tiễn. |
|  | **Điều 14.** **Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải có chứa thông số vi sinh vật (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép dưới 10,5 bị xử phạt như sau** | Sửa đổi tên Điều 14, Bổ sung thêm nội dung “hoặc xả nước thải có chứa thông số vi sinh vật (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép dưới 10,5” để phù hợp vì pH và 03 con vi khuẩn trong nước thải y tế hiện không được quy định là thông số nguy hại |
|  | Sửa đổi khoản 6:  - Sửa đổi điểm k: “Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m3/ngày (24 giờ) trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường”  - Bãi bỏ các điểm l,m, n, o, p, q, r, s, t, u, ư, v, x, y khoản 6 | Việc bãi bỏ các điểm và sửa lại điểm k để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ Luật hình sự số 199/2015/QH13 sửa Điều 235. Theo đó, từ mức 600 m3/ngày đêm trở lên đã thuộc trường hợp xử lý hình sự. NĐ mở rộng cận “từ 400 m3/ngày đêm trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường” để tránh bỏ sót vi phạm. |
|  | Sửa đổi khoản 12. Hình thức xử phạt bổ sung:  Sửa lại điều khoản tham chiếu | Sửa lại điều khoản tham chiếu cho phù hợp sau khi đã bãi bỏ một số nội dung. |
|  | Sửa đổi khoản 13:  Thay thế điểm b khoản 13: Buộc rà soát, cải tạo công trình xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định đối với các vi phạm quy định tại Điều này.” | - Bãi bỏ biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được đối với các hành vi xả thải vượt mà áp dụng đối với các hành vi không xây lắp, xây lắp không đúng, không vận hành, vận hành không đúng công trình xử lý chất thải do việc chứng minh và tính toán sẽ có căn cứ hơn;  - Thay thế biện pháp khắc phục hậu quả này áp dụng trong thực tiễn. |
|  | **Điều 15. Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường** |  |
|  | Thay thế điểm b khoản 8 bằng nội dung “Buộc rà sát, cải tạo công trình xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định đối với các vi phạm quy định tại Điều này” | - Bãi bỏ biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được đối với các hành vi xả thải vượt mà áp dụng đối với các hành vi không xây lắp, xây lắp không đúng, không vận hành, vận hành không đúng công trình xử lý chất thải do việc chứng minh và tính toán sẽ có căn cứ hơn;  - Thay thế biện pháp khắc phục hậu quả này áp dụng trong thực tiễn. |
|  | **Điều 16. Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường** |  |
|  | Thay thế điểm b khoản 9 bằng nội dung “Buộc rà sát, cải tạo công trình xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định đối với các vi phạm quy định tại Điều này” | - Bãi bỏ biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được đối với các hành vi xả thải vượt mà áp dụng đối với các hành vi không xây lắp, xây lắp không đúng, không vận hành, vận hành không đúng công trình xử lý chất thải do việc chứng minh và tính toán sẽ có căn cứ hơn;  - Thay thế biện pháp khắc phục hậu quả này áp dụng trong thực tiễn. |
|  | **Điều 19. Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng** |  |
|  | Sửa đổi điểm đ khỏa 8:  Bỏ nội dung tịch thu tang vật | Luật XLVPHC quy định tịch thu tang vật được áp dụng đối với **vi phạm hành chính nghiêm trọng** do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức. Chỉ áp dụng tịch thu phương tiện vi phạm để răn đe |
| **I** | **Điều 20. Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường** |  |
|  | 1. Hành vi thu gom, thải rác thải sinh hoạt trái quy định về bảo vệ môi trường bị xử phạt như sau: |  |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 1:  Giảm mức tiền phạt từ 500.000 -1.000.000 về mức phạt tiền từ 100.000 đồng đến 150.000 đồng đối với hành vi vứt, thải, bỏ đầu, mẩu và tàn thuốc lá không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng | Giảm mức phạt để tăng tính khả thi và phù hợp thẩm quyền phạt của chiến sỹ công an đang thi hành công vụ và áp dụng không lập biên bản và phạt tại chỗ theo Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính (xử phạt hành chính không lập biên bản, mức phạt tiền từ cảnh cáo đến 500.000 đồng đối với tổ chức) |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 1:  Giảm mức tiền phạt từ 1.000.000 – 3.000.000 đòng về mức phạt từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng đối với hành vi vệ sinh cá nhân (tiểu tiện, đại tiện) không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng | Giảm mức phạt để tăng tính khả thi và phù hợp thẩm quyền phạt của chiến sỹ công an đang thi hành công vụ và áp dụng không lập biên bản và phạt tại chỗ theo Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính (xử phạt hành chính không lập biên bản, mức phạt tiền từ cảnh cáo đến 500.000 đồng đối với tổ chức) |
|  | Sửa đổi điểm c khoản 1:  Giảm mức phạt tiền từ 3.000.000 – 5.000.000 đồng về mức phạt 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi vứt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt, đổ nước thải không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng, trừ vi phạm quy định tại điểm d khoản này; | - Giảm mức phạt để tăng tính khả thi và phù hợp với thẩm quyền của Trạm trưởng, Đội trưởng công an (phạt tiền đến 1.500.000 đồng)  - Bổ sung thêm hành vi đổ nước thải không đúng nơi quy định để xử phạt đối với tình trạng đổ nước thải không đúng quy định của cá nhân kinh doanh tại nơi công cộng. |
|  | Sửa đổi điểm d khoản 1:  Giảm mức phạt tiền từ 5.000.000 đến 7.000.000 đồng về mức phạt từ 1.500.000 đồng đến 2.500.000 đồng đối với hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt, trên vỉa hè, lòng đường hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt; đổ nước thải không đúng quy định trên vỉa hè, lòng đường phố | - Giảm mức phạt để tăng tính khả thi và phù hợp với thẩm quyền của Trưởng công an xã, Trưởng đồn công an (phạt tiền đến 2.500.000 đồng)  - Bổ sung thêm hành vi đổ nước thải không đúng quy định trên vỉa hè, lòng đường phố |
|  | Bổ sung khoản a1 trước điểm a khoản 6:  Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không có biên bản bàn giao rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định | Bổ sung theo quy định tại Điều 30 sửa đổi, bổ sung của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. |
|  | Sửa đổi điểm c, d, đ khoản 7:  Bỏ nội dung Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường | Bỏ Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường do NĐ 38/2015/NĐ-CP quy định nhưng không có Thông tư hướng dẫn, Bộ chưa cấp và Nghị định 40/2019/NĐ-CP hiện không còn quy định. |
|  | Sửa đổi điểm c, d, g khoản 8:  Bỏ nội dung Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường | Bỏ Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường do NĐ 38/2015/NĐ-CP quy định nhưng không có Thông tư hướng dẫn, Bộ chưa cấp và Nghị định 40/2019/NĐ-CP hiện không còn quy định. |
|  | Bổ sung khoản 8a như sau:  “Đối với hành vi thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống thoát nước đô thị không đúng quy định về bảo vệ môi trường được áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng.” | Bổ sung do Nghị định 155 chưa quy định, đồng thời địa phương đề nghị bổ sung |
|  | 9. Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định bị xử phạt như sau | Sửa tên Khoản 9 bổ sung một số loại chất thải như: chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại trong các hành vi về chuyển giao, cho,m bán, chôn, lấp,đổ, thải, đốt chất thải |
|  | Sửa tất cả các điểm thuộc khoản 9:  + Giữ nguyên mức phạt;  + Bổ sung thêm hành vi đốt, bổ sung các loại chất thải như chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại | Để phù hợp với tiêu đề Khoản 9 và bổ sung theo ý kiến của Bộ, ngành, địa phương về việc bổ sung các loại chất thải rắn thông thường như chất thải từ hoạt động xây dựng, y tế, nông nghiệp… |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 12:  Bỏ nội dung tịch thu tang vật | Do Luật XLVPHC quy định tịch thu tang vật được áp dụng đối với **vi phạm hành chính nghiêm trọng** do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức; chỉ tịch thu phương tiện để đảm bảo tính răn đe. |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 13:  “Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại các khoản 8a, 9, 10 và 11 Điều này gây ra.” | Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả này theo đề nghị của Bộ Tư pháp |
|  | **Điều 21. Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại** |  |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 1:  Bổ sung thêm nội dung “Không gửi báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ hoặc đột xuất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định hoặc gửi báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ không đúng quy định” | Bổ sung thêm hành vi để xử phạt trong trường hợp tổ chức, cá nhân có lập báo cáo nhưng không gửi cho cơ quan có thẩm quyền để theo dõi, tổng hợp. |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 2:  Bỏ cụm từ “để chất thải nguy hại ngoài trời gây ô nhiễm môi trường xung quanh | Bỏ cụm từ “để chất thải nguy hại ngoài trời gây ô nhiễm môi trường xung quanh” theo đề xuất của Sở TNMT Lâm Đồng. |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 5:  Thay nội dung “trong trường hợp không được phép tiếp tục lưu giữ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.” | Sửa đổi để phù hợp với thực tiễn |
|  | 7. Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt như sau: | Chỉnh sửa tên khoản 7 cho phù hợp với quy định về quản lý chất thải nguy hại vì ngoài thu gom chất thải y tế nguy hại là trường hợp đặc thù còn có các trường hợp khác, gồm: thu gom CTNH dưới 600kg ở vùng sâu vùng xa; thu gom CTNH trên biển… |
|  | **Điều 22. Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại** |  |
|  | Bãi bỏ khoản 1 | Bãi bỏ nội dung này do các nội dung quy định về hồ sơ đã được xử lý tại Điều 23 (Điều này chỉ xử lý đối với hoat động vận chuyển CTNH, không phải là quy định thực hiện theo Giấy phép vận chuyển CTNH mà hiện này đã không cấp) |
|  | Bãi bỏ điểm a, đ, e, g khoản 2 | Bãi bỏ nội dung này do các nội dung quy định về hồ sơ đã được xử lý tại Điều 23 (Điều này chỉ xử lý đối với hoat động vận chuyển CTNH, không phải là quy định thực hiện theo Giấy phép vận chuyển CTNH mà hiện này đã không cấp) |
|  | Sửa đổi điểm c khoản 2:  Bỏ nội dung không lập sổ giao nhận, nhật ký | Bỏ nội dung không lập sổ giao nhận, nhật ký vì đã được quy định tại Điều 23 |
|  | Bãi bỏ điểm c khoản 3 | Bãi bỏ nội dung này do các nội dung quy định về hồ sơ đã được xử lý tại Điều 23 (Điều này chỉ xử lý đối với hoat động vận chuyển CTNH, không phải là quy định thực hiện theo Giấy phép vận chuyển CTNH mà hiện này đã không cấp) |
|  | Sửa đổi điểm d khoản 3:  Bãi cụm từ “Không có đề nghị bằng văn bản kèm theo hợp đồng để cơ quan cấp phép xem xét, chấp thuận bằng văn bản” bằng cụm từ “Không có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” | Sửa đổi lại để phù hợp vì bản chất là phải có văn bản chấp thuận của cơ quan cấp phép. |
|  | Bãi bỏ điểm c khoản 4 | Bãi bỏ nội dung này do các nội dung quy định về hồ sơ đã được xử lý tại Điều 23 (Điều này chỉ xử lý đối với hoat động vận chuyển CTNH, không phải là quy định thực hiện theo Giấy phép vận chuyển CTNH mà hiện này đã không cấp) |
|  | Sửa đổi điểm b, c khoản 5:  Bổ sung thêm “văn bản chấp thuận…” | Bổ sung thêm “văn bản chấp thuận…” để phù hợp với quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP |
|  | Sửa đổi khoản 6:  Bổ nội dung “mua” | Để phù hợp với các nội dung quy định bên dưới. |
|  | Bổ sung khoản 9a:  Quy định đối với các hành vi đốt chất thải nguy hại, chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định…thì bị xử lý như hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại, chất hữu cơ khó phân hủy được quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 22 | Bổ sung thêm quy định này để xử lý đối với trường hợp đốt chất thải nguy hại, tránh bỏ lọt hành vi. |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 10:  Bỏ nội dung về đại lý vận chuyển | Bỏ nội dung về đại lý vận chuyển vì hiện nay không còn quy định |
|  | Sửa đổi điểm d khoản 10:  Bỏ nội dung tịch thu tang vật. | Bỏ nội dung tịch thu tang vật; chỉ để nội dung tịch thu phương tiện để đảm bảo tính răn đe. |
|  | **Điều 23. Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện Giấy phép xử lý chất thải nguy hại** | Thay đổi tên Điều để gộp các quy định trong Giấy phép xử lý CTNH vào Điều này. |
|  | Bãi bỏ điểm g và điểm h khoản 1 | Bỏ nội dung này vì hiện nay không còn quy định về điều kiện |
|  | Sửa đổi điểm d khoản 2:  Bỏ nội dung về việc báo cáo việc gia hạn, chấm dứt hợp đồng với đơn vị vận chuyển khác. Thay thế bằng nội dung:  “Sử dụng kho chứa chất thải nguy hại không có trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này” | Bỏ nội dung tại NĐ 155 do hiện nay không còn đơn vị vận chuyển.  Bổ sung thêm hành vi này do trước đây chưa quy định và thực tế đã xảy ra. |
|  | Bổ sung điểm e khoản 3:  Không thực hiện đúng nội dung văn bản chấp thuận vận hành thử nghiệm của cơ quan cấp phép; | Bổ sung cho phù hợp với thực tiễn trong quá trình vận hành thử nghiệm trước khi cấp giấy phép xử lý CTNH. |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 4:  Thay cụm từ “chủ vận chuyển” bằng cụm từ “chủ xử lý chất thải nguy hại khác” | Sửa đổi để phù hợp với quy định |
|  | Sửa đổi điểm d khoản 5:  Bổ sung hành vi cho hoạt động vận chuyển CTNH; làm rõ nội dung vượt công suất vận chuyển, xử lý | Bổ sung hành vi cho hoạt động vận chuyển CTNH; làm rõ nội dung vượt công suất vận chuyển, xử lý nhằm đảm bảo tính khả thi trong quá trình áp dụng; quy định thêm trong quá trình vận hành thử nghiệm để lấp khoảng trống pháp luật. |
|  | Sửa đổi khoản 6:  Bổ nội dung “mua” | Để phù hợp với các nội dung quy định bên dưới. |
|  | Bổ sung khoản 8a:  Quy định đối với các hành vi đốt chất thải nguy hại, chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định…thì bị xử lý như hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại, chất hữu cơ khó phân hủy được quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 22 | Bổ sung thêm quy định này để xử lý đối với trường hợp đốt chất thải nguy hại, tránh bỏ lọt hành vi. |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 9  Bổ sung văn bản chấp thuận vận hành thử nghiệm | Do thực tế trước khi được cấp phép xử lý chất nguy hại, cơ sở xử lý đã lập hồ sơ xin cấp phép sẽ được chấp thuận bằng văn bản để được vận hành thử nghiệm. Trường hợp vi phạm trong quá trình vận hành thử nghiệm thì phải tước văn bản này. |
|  | Sửa đổi điểm đ khoản 9:  Bỏ nội dung tịch thu tang vật | Bỏ nội dung tịch thu tang vật, chỉ tịch thu phương tiện để đảm bảo tính răn đe |
|  | Bổ sung điểm a1 tại khoản 10:  “Buộc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 Điều này.” | Bổ sung theo đề nghị của Bộ Tư pháp áp dụng trong trường hợp đơn vị tiếp nhận CTNH mà không có năng lực xử lý. |
|  | **Điều 24. Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu** |  |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 4:  Bãi bỏ nội dung “không có cán bộ được cấp chứng chỉ tâp huấn nghiệp vụ về BVMT theo quy định” và thay thế bằng hành vi không thực hiện báo cáo định kỳ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo quy định. | - Bãi bỏ nội dung do Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 không còn quy định về điều kiện này;  - Bổ sung trách nhiệm của cơ sở cho phù hợp với Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP) |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 4:  Bổ sung hành vi không áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 đối với cơ sở hoạt động phá dỡ tàu biển. | Bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP |
|  | Bãi bỏ điểm a khoản 5 | Bãi bỏ vì trường hợp không đáp ứng yêu cầu sẽ tái xuất luôn |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 6:  Bổ sung nội dung Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất…quy định chi tiết các khoản, điểm được áp dụng | Sửa đổi trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính đề nghị ưu tiên buộc tái xuất. |
|  | **Điều 25. Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu** |  |
|  | Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2:  Bổ sung thêm hành vi không có kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất hoặc để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất theo quy định; lưu giữ phế liệu nhập khẩu tại khu vực không đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất hoặc để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất theo quy định; | Bổ sung thêm hành vi vi phạm trong trường hợp thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất để phù hợp quy định tại Điều 58 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, được thay thế tại khoản 32 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. |
|  | Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2:  “Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng đối với hành vi không có công nghệ, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu, công nghệ xử lý tạp chất đi kèm phế liệu; không xử lý tạp chất đi kèm phế liệu hoặc không chuyển giao tạp chất cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định;” | Làm rõ hơn hành vi vi phạm để dễ áp dụng trong quá trình xử lý vi phạm |
|  | Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2:  Bổ sung thêm trường hợp loại trừ tại khoản 7 Điều 24 | Bổ sung thêm để loại trừ trường hợp phế liệu có chứa chất phóng xạ |
|  | Bãi bỏ khoản 3 | Bỏ khoản này vì không còn quy định pháp luật về nhập khẩu ủy thác. |
|  | Sửa đổi khoản 7:  Bổ sung nội dung nhập khẩu phế liệu không thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu hoặc không được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền | Bổ sung theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, được thay thế bởi khoản 32 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 8:  Thay đổi tham chiếu | Thay đổi tham chiếu cho phù hợp |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 9:  Bổ sung nội dung Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất…quy định chi tiết các khoản, điểm được áp dụng | Chỉnh sửa theo đề nghị của Bộ Tư pháp. |
|  | **Điều 32. Vi phạm các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản** |  |
|  | Bổ sung khoản 1a:  “1a. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo công tác thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về cơ quan phê duyệt phương án và cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường tại địa phương theo quy định” | Bổ sung trách nhiệm của cơ sở cho phù hợp với Nghị định số 40/2019/NĐ-CP |
|  | Sửa đổi khoản 3:  “ Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không có phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không lập lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định, trừ trường hợp thuộc đối tượng phải lập lại báo đánh giá tác động môi trường.” | Bổ sung thêm trách nhiệm không lập lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định |
|  | Bãi bỏ điểm c và d khoản 6 | Bãi bỏ nội dung do biện pháp khắc phục hậu quả này không phù hợp với với các vi phạm tại Điều này |
| **V** | **Điều 33. Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu** |  |
|  | Bổ sung khoản 7a:  “Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng chất phân tán dầu tràn và chế phẩm sinh học trong ứng phó sự cố tràn dầu không đúng quy định.” | Bổ sung hành vi này cho phù hợp với QĐ số 02/2013/QĐ-TTg của TTCP |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 10:  Thay đổi tham chiếu | Thay đổi tham chiếu cho phù hợp. |
| **V** | **Điều 34. Vi phạm các quy định trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y** | Sửa lại tên Điều do bãi bỏ quy định trong vận chuyển hàng nguy hiểm |
|  | Bãi bỏ quy định tại khoản 1, điểm a và điểm b khoản 4 | Bãi bỏ vì Nghị định số 136/2018/NĐ-CP đã bãi bỏ điều kiện kinh doanh đối với hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm. |
| **V** | **Điều 39. Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên** |  |
|  | Sửa đổi khoản 2:  Bổ sung thêm quy định về cư trú, điều tra khảo sát khai thác khoáng sản trái phép trong phân khu phục hồi sinh thái, phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn | Để phù hợp với Điều 7 Luật Đa dạng sinh học và Nghị định số 66/2019/NĐ-CP |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 2:  Bổ sung nội dung cư trú trái phép vào phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn; | Để phù hợp với Điều 7 Luật Đa dạng sinh học và Nghị định số 66/2019/NĐ-CP |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 2:  Bổ sung nội dung cư trú trái phép vào phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn; | Để phù hợp với Điều 7 Luật Đa dạng sinh học và Nghị định số 66/2019/NĐ-CP |
|  | Sửa đổi diểm c khoản 2:  Bổ sung cụm từ “trái phép” sau cụm từ “lán trại” |  |
|  | Sửa đổi điểm d khoản 2:  Bổ sung nội dung chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản tại phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn; | Để phù hợp với Điều 7 Luật Đa dạng sinh học và Nghị định số 66/2019/NĐ-CP |
|  | Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3:  Giới hạn diện tích từ 200 m2 trở lên đất, đất ngập nước, mặt nước tại phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn; trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường.” | - Giới hạn diện tích từ 200 m2 trờ lên để xử phạt trong trường hợp không xử lý hình sự, tránh bỏ lọt hành vi.  - Bổ sung nội dung trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường để tránh chồng chéo với Bộ luật hình sự. |
|  | **Điều 44. Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen** |  |
|  | 1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 1:  “Không thông báo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền **về việc chuyển giao nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen cho bên thứ ba với cùng mục đích sử dụng để nghiên cứu không vì mục đích thương mại;”** | Sửa đổi phù hợp với quy định Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 1:  “Không thực hiện báo cáo định kỳ hoặc báo cáo hoạt động theo quy định trong thời gian tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu không vì mục đích thương mại ghi tại Giấy phép tiếp cận nguồn gen.” | Sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; |
|  | 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 2:  “Không tuân thủ các nội dung trong Kế hoạch tiếp cận nguồn gen đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;” | Sửa đổi phù hợp với quy định Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ |
|  | Sửa đổi điểm b khoản 2:  “Không thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chuyển giao nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen cho bên thứ ba với cùng mục đích sử dụng để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại;” | Sửa đổi phù hợp với quy định Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ |
|  | Sửa đổi điểm c khoản 2:  “Không tiến hành chia sẻ lợi ích thu được từ việc sử dụng nguồn gen với các bên liên quan theo quy định;” | Sửa đổi phù hợp với quy định Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ |
|  | Sửa đổi điểm d khoản 2:  “Không thực hiện báo cáo định kỳ hoặc báo cáo hoạt động theo quy định trong thời gian tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại ghi tại Giấy phép tiếp cận nguồn gen;” | Sửa đổi phù hợp với quy định Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ |
|  | Sửa đổi điểm đ khoản 2:  “Đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ Việt Nam nhưng không thực hiện đúng các nội dung quy định tại Giấy phép tiếp cận nguồn gen hoặc Quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại;” | Sửa đổi phù hợp với quy định Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ |
|  | Bổ sung điểm g khoản 2:  “Không gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen khi giấy phép hết hạn nhưng vẫn thực hiện việc thu mẫu, tiếp cận nguồn gen đã được cấp phép” | Sửa đổi phù hợp với quy định Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ |
|  | Sửa đổi điểm a khoản 5. Hình thức xử phạt bổ sung:  Thay đổi các điểm, khoản tham chiếu |  |
|  | **Điều 46. Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen bị xử phạt như sau:** |  |
|  | Sửa đổi khoản 1:  Bỏ hình thức phạt cảnh cáo. | Bỏ hình thức phạt cảnh cáo để tăng tính răn đe. |
|  | Bổ sung khoản 1a.  “Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng nội dung trong Giấy chứng nhận an toàn sinh học;” | Bổ sung thêm hành vi để phù hợp với thực tế |
|  | Bổ sung thêm khoản 1b.  “Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi che dấu thông tin về nguy cơ gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đa dạng sinh học của sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen.” | Bổ sung thêm hành vi để phù hợp với thực tế |
|  | **Điều 52. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm về môi trường để truy cứu trách nhiệm hình sự** |  |
|  | Sửa đổi điểm h khoản 1:  Giữ nguyên phân định thẩm quyền như tại NĐ 155; sửa lại các điều khoản tham chiếu sau khi NĐ sửa đổi có thay đổi tên điểm, khoản. | Điều chỉnh lại các điểm, khoản tham chiếu trên cơ sở giữ nguyên nội dung phân định thẩm quyền của lực lượng công an nhân dân. |
|  | Sửa đổi điểm k khoản 1:  Sửa lại điều khoản tham chiếu | Điều chỉnh lại các điểm, khoản tham chiếu trên cơ sở giữ nguyên nội dung phân định thẩm quyền của chủ tịch UBND cấp huyện. |
|  | **Điều 61. Điều khoản chuyển tiếp** |  |
|  | 1. Các hành vi vi phạm hành chính đã được lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì xử phạt theo Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, trừ trường hợp hành vi vi phạm hành chính của Nghị định này có quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì xử phạt theo Nghị định này. |  |
|  | Bổ sung thêm Tổng Dioxin/Furan và Tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn) và hợp chất tương ứng | Bổ sung theo quy định QCVN 30:2012/BTNMT để làm căn cứ xử phạt |